

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2020/HNGĐ –ST.**

Ngày: 28 – 9 – 2020.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Nik Êban.

2. Ông Vũ Mạnh Thu.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2020, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXX-ST ngày 26/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐHPT- HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 02, xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Đặng Công V, sinh 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 02, xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày có nội dung như sau:

Bà T và ông Đặng Công V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ES, huyện EK vào ngày 19/01/2006. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Vào khoảng tháng 04/2020 bà T và ông V đã ly thân với nhau, trong thời gian ly thân thì ông bà T và ông V không còn quan tâm chăm sóc với nhau. Mâu thuẫn kéo dài và không có khả năng hòa giải, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có về chung sống với nhau cũng không hạnh phúc, vì vậy nguyện vọng của bà T là đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông V.

* Về con chung:

Trong thời gian chung sống bà T và ông V có một con chung là cháu Đặng Lương Huyền P, sinh ngày 26/5/2016. Bà T có nguyện vọng chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Hiện tại con chung đang do bà T nuôi dưỡng và chăm sóc. Ông V làm nghề lái xe tải do đó phải thường xuyên đi làm xa không có khả năng chăm sóc con, bản thân bà T là nhân viên bưu điện xã ES, thu nhập ổn định nên đủ khả năng để nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn Đặng Công V trình bày có nội dung như sau:

Ông V và bà Lương Thị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ES, huyện Ea Kar vào ngày 19/01/2006.

Sau khi về chung sống với nhau vẫn hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tin tưởng nhau, sống không hạnh phúc, vợ chồng tôi hiện tại không còn tình cảm gì với nhau nữa. Tuy nhiên do con chung còn nhỏ, ông V muốn vợ chồng bỏ qua cho nhau để về đoàn tụ nuôi con chung, không muốn làm khổ con nên ông V không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông V và bà T có một con chung cháu Đặng Lương Huyền P, sinh ngày 26/5/2016. Nguyện vọng ông V muốn nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại ông V làm nghề lái xe thu nhập ổn định nên đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện EaKar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đặng Công V vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lương Thị T,

cho bà Lương Thị T được ly hôn với ông Đặng Công V. Về con chung: Giao cháu Đặng Lương Huyền P ngày 26/5/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Lương Thị T khởi kiện ông Đặng Công V về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện EaKar theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Lương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đặng Công V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 02 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông V là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của và bà Lương Thị T và ông Đặng Công V là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do là ông bà không có sự tin tưởng tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, điều đó được bà T, ông V thừa nhận. Thể hiện hôn nhân của bà T, ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lương Thị T là có căn cứ, phù hợp với Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của các đương sự, cũng như quyền lợi của các con chung, quá trình giải quyết vụ án bà T và ông V đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu P chưa đủ 7 tuổi, đang sống cùng với bà T, đồng thời bà T làm nhân viên bưu điện thu nhập ổn định. Bản thân ông V cũng có thu nhập ổn định nhưng do đặc thù công việc thường xuyên đi làm xa không đảm bảo thời gian để nuôi con. Do vậy, cần giao con chung cháu Đặng Lương Huyền P, sinh ngày 26/5/2016 cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành sẽ bảo đảm được quyền lợi của con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lương Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Ông V được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5; điểm b, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lương Thị T được ly hôn với ông Đặng Công V.
2. Về con chung: Giao cháu Đặng Lương Huyền P, sinh ngày 26/5/2016 cho bà Lương Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lương Thị T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ông V được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông V không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0006260 ngày 29/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THA dân sự huyện EaKar;
- UBND xã ES;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyên

